Bộ Kinh Tăng Chi [Tăng Chi Kinh Bộ] - Quyển 11 [Ekādasaka-Nipāta] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN “MƯỜI MỘT” (Ekādasaka-Nipāta)

ii

Về Bản Dịch AN - Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato. - Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này gồm có 11 QUYỂN (nipāta) được đặt tên lần lượt là QUYỂN “MỘT” cho đến QUYỂN “MƯỜI MỘT”, trong đó “Một”... vừa là tên của QUYỂN kinh (nói về một điều, một pháp, một người ...) vừa là số thứ tự của QUYỂN kinh. Mỗi QUYỂN lại có nhiều NHÓM kinh (vagga, phẩm), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh. Các QUYỂN 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển 3-10 thì gom các NHÓM kinh vào những PHẦN “Năm Mươi Kinh” (Đầu Tiên ... Thứ Tư) và có QUYỂN có thêm PHẦN “Năm Mươi Kinh Thêm” ở cuối.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]). - Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Mp, Mp-ṭ, Paṭis ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 3:101, 7:215 thì có nghĩa nó thuộc bộ kinh AN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là SN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Và các số đầu như 3 và 7 chính là số QUYỂN 3 và 7 (tức là: Quyển AN 3 kinh 101, AN 7 kinh 215). - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ... + Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh AN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một số NHÓM bài kinh, thì trong

iv

một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một PHẦN, rồi một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch là bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có 11 QUYỂN khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào để đọc. Nhưng nếu không ưu tiên hay cần đọc những chủ-đề nào trước, quý vị nên đọc theo thứ tự từ đầu tới cuối, như cách đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy.

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích thì người đọc có thể bị lạc khỏi ý chính của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và trọn vẹn nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Nhà Bè, mùa mưa 2019 (PL 2564) (hoàn chỉnh và in cuối năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN ..... iii NHÓM 1. SỰ TÙY THUỘC ..... 1 1 (1) Mục Đích Gì 1

2 (2) Sự Cố-Ý 2

3 (3) Nguyên Nhân Cận Kề (1) 4

4 (4) Nguyên Nhân Cận Kề (2) 6

5 (5) Nguyên Nhân Cận Kề (3) 6

6 (6) Tai Nạn 6

7 (7) Nhận Thức 7

8 (8) Sự Chú Tâm..... 9

9 (9) Sandha 10

10 (10) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công 14

NHÓM 2. SỰ TƯỞNG NIỆM ..... 15 11 (1) Mahānāma (1) 15

12 (2) Mahānāma (2) 20

13 (3) Nandiya 21

14 (4) Tu-Bồ-Đề 23

15 (5) Tâm Từ 27

16 (6) Dasama 28

17 (7) Người Chăn Bò 33

18 (8) Sự Định Tâm (1) 39

19 (9) Sự Định Tâm (2) 41

20 (10) Sự Định Tâm (3) 42

21 (11) Sự Định Tâm (4) 42

NHÓM 3. TƯƠNG TỰ ..... 43 22 (1) 29 (8) Quán Sát Sự Vô Thường 43

30 (9) 69 (48) 43

70 (49) 117 (96) 44

118 (97) 165 (144)..... 44

166 (145) 213 (192)..... 44

214 (193) 261 (240)..... 44

262 (241) 309 (288)..... 44

310 (289) 367 (336)..... 45

368 (337) 405 (384)..... 45

406 (385) 453 (432)..... 45

454 (433) 501 (480)..... 45

502 (481) 981 (960)..... 46

NHÓM 4. NHÓM "THAM" LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 46 982 (1) 46

983 (2) 991 (10)..... 47

992 (11) 1151 (170)..... 47

BẢNG VIẾT TẮT ..... 49 CHÚ THÍCH 53

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

NHÓM 1. SỰ TÙY THUỘC

1 (1) Mục Đích Gì 2199 Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: (1) "Thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích

và ích lợi của giới-hạnh thiện lành?" (2) "Này Ānanda, mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành là (để có được) sự không hối-tiếc." (3) "Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự không hối- tiếc?" "Mục đích và ích lợi của sự không hối-tiếc là niềm-vui." (4) "Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của niềm-vui?" "Mục đích và ích lợi của niềm-vui là sự hoan-hỷ (hỷ)." (5) "Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ?" "Mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng (khinh an)." (6) "Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự tĩnh- lặng?" "Mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng là sự sướng (lạc, thân lạc)." (7) "Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự sướng?" "Mục đích và ích lợi của sự sướng là sự định-tâm (định)."

2 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 11

(8) "Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự định- tâm?" "Mục đích và ích lợi của sự định-tâm là sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là." (9) "Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự-biết và sự- thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là?" "Mục đích và ích lợi của sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là sự tỉnh-ngộ [không còn mê đắm]." (10) "Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự tỉnh- ngộ?" "Mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ là sự chán-bỏ." (10) "Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự chán- bỏ?" "Mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là trí-biết và tầm- nhìn của sự giải-thoát." "Như vậy đó, này Ānanda, (1)–(2) mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành là sự không hối-tiếc; (3) mục đích và ích lợi của sự không hối- tiếc là niềm-vui; (4) mục đích và ích lợi của niềm-vui là sự hoan-hỷ (hỷ); (5) mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ là sự tĩnh-lặng (khinh an). (6) mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng là sự sướng (lạc); (7) mục đích và ích lợi của sự sướng là định-tâm (định); (8) mục đích và ích lợi của sự định-tâm là sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là; (9) mục đích và ích lợi của sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là sự tỉnh- ngộ; (10) mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ là sự chán-bỏ; (11) mục đích và ích lợi của sự chán-bỏ là trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Như vậy, này Ānanda, giới-hạnh thiện lành dẫn dắt tiến dần tới chỗ cao nhất."

2 (2) Sự Cố-Ý 2200

•3

(1)–(2) "Này các Tỳ kheo, đối với một người đức-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh, thì không cố dụng sự cố-ý (tư) để: 'Cầu mong sự không hối-tiếc khởi sinh trong tôi'. Đó là lẽ tự nhiên, rằng sự không hối-tiếc sẽ khởi sinh trong một người đức-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh. (3) "Đối với một người không có sự hối-tiếc thì không cần cố dụng sự cố-ý để: 'Cầu mong niềm-vui khởi sinh trong tôi'. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người không có sự hối-tiếc sẽ khởi sinh niềm-vui. (4) "Đối với người được niềm-vui thì không cần cố dụng sự cố-ý để: 'Cầu mong sự hoan-hỷ khởi sinh trong tôi'. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người có niềm-vui sẽ khởi sinh sự hoan-hỷ (hỷ). (5) "Đối với người có một cái tâm hoan-hỷ thì không cần cố dụng sự cố-ý để: 'Cầu mong thân tôi tĩnh-lặng'. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người có tâm

hoan-hỷ thì thân sẽ được tĩnh-lặng (khinh an). (6) Với người được tĩnh-lặng trong thân thì không cần cố dụng sự cố- ý để: 'Cầu mong tôi cảm thấy sướng'. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người được tĩnh-lặng trong thân thì cảm thấy sướng (lạc, thân lạc). (7) "Với một người cảm giác sướng thì không cần cố dụng sự cố-ý để: 'Cầu mong tâm tôi đạt-định'. Đó là lẽ tự nhiên, rằng tâm của một người cảm thấy sướng (thân lạc) thì sẽ đạt định. (8) "Đối với người đạt-định thì không cần cố dụng sự cố-ý để: 'Mong sao tôi biết và thấy (tri kiến) mọi sự đúng như chúng thực là'. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người đạt-định thì sẽ biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. (9) "Đối với người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là thì không cần cố dụng sự cố-ý để: 'Cầu mong tôi biết tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) và biết chán-bỏ.' Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là sẽ biết tỉnh-ngộ. (10) "Đối với người biết tỉnh-ngộ thì không cần cố dụng sự cố-ý để:

'Cầu mong tôi biết sự chán-bỏ.' Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người tỉnh- ngộ là sẽ chán-bỏ. (11) "Đối với người biết chán-bỏ thì không cần cố dụng sự cố-ý để: 'Cầu mong tôi chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn (minh kiến) của sự giải- thoát'. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người chán-bỏ thì sẽ chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. "Như vậy là, này các Tỳ kheo, (11)–(10) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát là mục đích và ích lợi của sự chán-bỏ; (9) sự chán-bỏ là mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ; (8) sự tỉnh-ngộ là mục đích và ích lợi của sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là; (7) sự-biết và sự- thấy về mọi sự đúng như chúng thực là mục đích và ích lợi của sự định- tâm; (6) sự định-tâm là mục đích và ích lợi của sự sướng; (5) sự sướng là mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng (trong thân); (4) sự tĩnh-lặng (trong thân) là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ; (3) sự hoan-hỷ là mục đích và ích lợi của niềm-vui; (2) niềm-vui là mục đích và ích lợi của sự không bị hối-tiếc; và (1) sự không bị hối-tiếc là mục đích và ích lợi của sự (giữ, trì, có được) giới-hạnh. "Như vậy, này các Tỳ kheo, một giai đoạn chảy vào giai đoạn kế tiếp, một giai đoạn đổ đầy giai đoạn kế tiếp, để đi từ bờ bên này (thử ngạn) tới bờ bên kia (bỉ ngạn)."

3 (3) Nguyên Nhân Cận Kề (1) 2201 (I) "Này các Tỳ kheo, (1) với một người thất-đức, người thiếu hụt về giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề (kế trước, kế cận) của nó. Khi không có sự không hối-tiếc, với người thiếu sự không hối-tiếc, thì (3) niềm-vui sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có niềm-vui, với người thiếu niềm-vui, thì (4) sự hoan-hỷ (hỷ) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự hoan-hỷ, với người thiếu sự hoan-hỷ, thì (5) sự tĩnh-lặng [trong thân] (khinh an) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự tĩnh-lặng, với người thiếu sự tĩnh-lặng, thì

•5

(6) sự sướng (lạc, thân lạc) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự sướng, với người thiếu sự sướng, thì (7) sự định-tâm (định) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự định-tâm, với người thiếu sự định-tâm, thì (8) sự biết và sự thấy (tri

kiến) về mọi sự đúng như chúng thực là sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, với người thiếu sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (9) sự tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự tỉnh-ngộ, thì (10) sự chán-bỏ sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự chán-bỏ, thì (11) trí-biết và tầm-nhìn (minh kiến) của sự giải-thoát sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. “Ví dụ một cây thiếu cành và lá. Thì rễ của nó không phát triển đầy đủ; rồi vỏ cây, phần gỗ mềm, và phần gỗ lõi cũng không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) với một người thất-đức, người thiếu giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó … … (11) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. (II) “Này các Tỳ kheo, (1) với một người đức-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ có được nguyên- nhân cận kề của nó. Khi có sự không hối-tiếc, với người có được sự không hối-tiếc, thì (3) niềm-vui sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có niềm-vui, với người có được niềm-vui, thì (4) sự hoan-hỷ (hỷ) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự hoan-hỷ, với người có được sự ho- an-hỷ, thì (5) sự tĩnh-lặng [trong thân] (khinh an) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự tĩnh-lặng, với người có được sự tĩnh-lặng, thì (6) sự sướng (lạc, thân lạc) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự sướng, với người có được sự sướng, thì (7) sự định-tâm (định) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự định-tâm, với người có được sự định-tâm, thì (8) sự biết và sự thấy (tri kiến) về mọi sự đúng như chúng thực là sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, với người có được sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (9) sự tỉnh-ngộ (không còn mê

đắm) và sự chán-bỏ sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự tỉnh-ngộ thì (10) sự chán-bỏ sẽ có nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự chán-bỏ, thì (11) trí-biết và tầm-nhìn (minh kiến) của sự giải-thoát sẽ có nguyên-nhân cận kề của nó. “Ví dụ một cây có đủ cành và lá. Thì rễ của nó sẽ phát triển đầy đủ; rồi vỏ cây, phần gỗ mềm, và phần gỗ lõi cũng phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) với một người đức-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó … … (11) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ có nguyên-nhân cận kề của nó.”

4 (4) Nguyên Nhân Cận Kề (2) Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: [Tiếp tục giống hệt nội dung kinh 11:03 kế trên, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói.]

5 (5) Nguyên Nhân Cận Kề (3) Ở đó Ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: [Tiếp tục giống hệt nội dung kinh 11:03 kế trên, chỉ khác là kinh này do thầy Ānanda nói.]

6 (6) Tai Nạn 2202 “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người sỉ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì không thể nào và không thể hình dung rằng người đó sẽ không gặp phải [xảy ra] một trong mười tai nạn này. Mười đó là gì? (1) Người đó không thành tựu điều chưa thành tựu. (2) Người đó rớt khỏi điều

mình đã thành tựu. (3) Những phẩm chất tốt của người đó không được làm sáng bóng.2203 (4) Người đó đánh giá quá cao những phẩm chất của mình, hoặc (5) sẽ dẫn tới đời sống tâm linh không được viên-mãn, hoặc sẽ phạm vào tội ô-nhiễm nào đó, hoặc (7) bỏ tu hoàn tục, hoặc (8) dính bệnh ngặt nghèo, hoặc (9) bị điên

•7

khùng hay bị loạn trí. (10) Người đó chết với cái tâm ngu-mờ. (11) Khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Khi một Tỳ kheo là người sỉ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì không thể nào và không thể hình dung rằng người đó sẽ không gặp phải [xảy ra] một trong mười một tai nạn này.”

7 (7) Nhận Thức 2204 Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác; (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}—nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?” “Người đó có thể, này Ānanda.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?” “Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo có nhận-thức (tưởng) như vầy: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu-diệt dục-vọng (ái), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn.’ Này Ānanda, chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng)

8 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 11

về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác; (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}—nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức” Rồi thầy Ānanda, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời tuyên thu- yết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đi vòng ra giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình (và đi ra), rồi đi đến gặp Ngài Xá-lợi-phất.2205 Thầy ấy chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi- phất: “Này đạo hữu

Xá-lợi-phất, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức về đất trong liên hệ với đất ... (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?" "Người đó có thể, này đạo hữu Ānanda." "Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?" "Ở đây, này đạo hữu Ānanda, một Tỳ kheo là có nhận-thức (tưởng) như vầy: 'Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu-diệt dục-vọng (ái), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, niết-bàn.' Này Ānanda, chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức về đất trong liên hệ với đất ... (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy,

•9

cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức." "Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này đạo hữu, rằng ý nghĩa và câu chữ của cả Vị Thầy và vị đệ tử đều trùng hợp và giống nhau và không khác biệt khi nói về trạng thái bậc nhất đó.2206 Này đạo hữu, mới đây tôi đã đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về vấn đề này. Đức Thế Tôn đã trả lời tôi y hệt với ý nghĩa và câu chữ như thầy Xá-lợi-phất đã dùng. Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này đạo hữu, rằng ý nghĩa và câu chữ của cả Vị Thầy và vị đệ tử đều trùng hợp và giống nhau và không khác biệt khi nói về trạng thái bậc nhất đó."

8 (8) Sự Chú Tâm Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) người đó không chú-tâm (tác ý) tới mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc; rằng (1) người đó không chú- tâm tới (yếu tố) đất,2207 (2) nước, (3) lửa, (4) hoặc gió; (5) người đó không chú-tâm tới không vô biên xứ [cảnh xứ của không gian vô biên], (6) thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên], (7) vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống- không], (8) hoặc phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]; (9) người đó không chú-tâm tới thế giới này; (10) người đó không chú-tâm tới thế giới khác; (11) người đó không chú-tâm tới mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn có chú-tâm (có tác ý)?" "Người đó có thể, này Ānanda." "Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?"

"Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo là có nhận-thức (tưởng) như vầy: 'Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu-diệt dục-vọng (ái), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, niết-bàn.' Này Ānanda, chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được

một trạng thái định-tâm như vậy (mà trong đó) người đó không chú-tâm (tác ý) tới mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc; rằng (1) người đó không chú-tâm tới (yếu tố) đất, (2) nước, (3) lửa, (4) hoặc gió; (5) người đó không chú-tâm tới không vô biên xứ [cảnh xứ của không gian vô biên], (6) thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên], (7) vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không], (8) hoặc phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]; (9) người đó không chú-tâm tới thế giới này; (10) người đó không chú-tâm tới thế giới khác; (11) người đó không chú-tâm tới mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn có chú-tâm (có tác ý)."

9 (9) Sandha Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nādika trong hội trường gạch. Lúc đó có Ngài Sandha2208 đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: "Này Sandha, hãy thiền như một con ngựa thuần chủng xuất sắc, không như con ngựa non hoang dã. (I) "Và theo cách nào một con ngựa non hoang dã thiền ngẫm? Khi một con ngựa non hoang dã được cột gần máng ăn, nó chỉ thiền ngẫm: 'Cỏ để ăn, cỏ để ăn!' Vì lý do gì? Vì khi một con ngựa non hoang dã được cột gần máng ăn, nó không biết tự hỏi mình: 'Giờ phận sự gì người huấn luyện ngựa đặt ra cho ta hôm nay? Ta có thể làm gì để làm hài lòng ông ta?' Khi được cột ở gần máng ăn nó chỉ thiền ngẫm: 'Cỏ để ăn, cỏ để ăn!'

• 11

Cũng giống như vậy, này Sandha, một người giống một con ngựa non ho- ang dã, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi trú với một cái tâm bị ám muội và áp chế bởi (chướng ngại) tham-dục, và người đó không hiểu được 'sự thoát-khỏi tham-dục đã khởi sinh' đúng như nó thực là. Khi chấp chứa tham-dục ở bên trong, người đó thiền ngẫm, ngẫm nghĩ, suy ngẫm, và nghiền ngẫm.2209 Người đó ngồi trú với một cái tâm bị ám muội và áp chế bởi (chướng ngại) sự ác-ý … bởi sự sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … bởi sự bất-an và hối-tiếc … bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu được 'sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ đã khởi sinh' đúng như nó thực là. Khi chấp chứa sự nghi-ngờ ở bên trong, người đó thiền ngẫm, ngẫm nghĩ, suy ngẫm, và nghiền ngẫm. - "Người đó thiền (1) tùy thuộc vào (yếu tố) đất, (2) tùy thuộc vào nước, (3) tùy thuộc vào lửa, (4) tùy thuộc vào gió, (5) tùy thuộc vào không vô biên xứ [cảnh xứ của không gian vô biên], (6) tùy thuộc vào thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên], (7) tùy thuộc vào vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không], (8) tùy thuộc vào phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức], (9) tùy thuộc vào thế giới này, (10) tùy thuộc vào thế giới khác, (11) tùy thuộc vào mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm. Kiểu như vậy là sự thiền của một người giống như một con ngựa non hoang dã. (II) "Và, này Sandha, theo cách nào là thiền như một con ngựa thuần chủng xuất sắc? Khi một con ngựa thuần chủng xuất sắc được cột gần máng ăn, nó không thiền ngẫm: 'Cỏ để ăn, cỏ để ăn!' Vì lý do gì? Vì khi một con ngựa non hoang dã được cột gần

máng ăn, nó biết tự hỏi mình: ‘Giờ phận sự gì người huấn luyện ngựa đặt ra cho ta hôm nay? Ta có thể làm gì để làm hài lòng ông ta?’ Khi được cột ở gần máng ăn nó không thiền ngẫm: ‘Cỏ để ăn, cỏ để ăn!’ Vì con ngựa thuần chủng xuất sắc coi cái sự bị roi thúc đánh (tức bị người huấn luyện đánh, thúc) là một món nợ, một sự trói buộc, một sự mất mát, và thất bại. Cũng giống như vậy, một người giống như con ngựa thuần chủng xuất sắc, sau khi đi vô rừng,

đến một gốc cây, hay một chòi trống, không ngồi trú với một cái tâm bị ám muội và áp chế bởi (chướng ngại) tham-dục, và người đó hiểu được ‘sự thoát-khỏi tham-dục đã khởi sinh’ đúng như nó thực là. Người đó không ngồi trú với một cái tâm bị ám muội và áp chế bởi (chướng ngại) sự ác-ý … bởi sự sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … bởi sự bất-an và hối-tiếc … bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu được ‘sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ đã khởi sinh’. - “Người đó không thiền (1) tùy thuộc vào (yếu tố) đất, (2) tùy thuộc vào nước, (3) tùy thuộc vào lửa, (4) tùy thuộc vào gió, (5) tùy thuộc vào không vô biên xứ [cảnh xứ của không gian vô biên], (6) tùy thuộc vào thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên], (7) tùy thuộc vào vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không], (8) tùy thuộc vào phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức], (9) tùy thuộc vào thế giới này, (10) tùy thuộc vào thế giới khác, (11) tùy thuộc vào mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm. Cách như vậy là sự thiền của một người giống như một con ngựa thuần chủng xuất sắc. “Khi người đó thiền tập theo cách như vậy, có những thiên thần ở cùng vị trời Indra, vị trời Brahmā, và vị trời Pajāpati từ xa đã kính cẩn người thuần chủng xuất sắc đó, và họ nói: “‘Kính lễ ngài, hỡi người thuần chủng! Kính lễ ngài, hỡi người cao thượng! Bản thân chúng tôi không hiểu được, Ngài thiền tùy thuộc vào thứ gì.’” 2210 Khi lời đó được nói ra, thầy Sandha đã thưa với đức Thế Tôn: “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một người thuần chủng xuất sắc thiền trú? Nếu người đó (1) không thiền tùy thuộc vào (yếu tố) đất … (11) không tùy thuộc vào thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm, và như vậy người đó thiền theo cách nào mà đến nỗi những thiên thần ở cùng …

từ xa đã kính cẩn, và họ nói: “‘Kính lễ ngài, hỡi người thuần chủng! Kính lễ ngài, hỡi người cao thượng! Bản thân chúng tôi không hiểu được, Ngài thiền tùy thuộc vào thứ gì.’” “Ở đây, này Sandha, đối với một người thuần chủng xuất sắc, (1) nhận-thức về (yếu tố) đất đã biến mất trong liên hệ với đất, 2211 (2) nhận- thức về nước đã biến mất trong liên hệ với nước, (3) nhận-thức về lửa đã biến mất trong liên hệ với lửa, (4) nhận-thức về gió đã biến mất trong liên hệ với gió; (5) nhận-thức về không vô biên xứ đã biến mất trong liên hệ với không vô biên xứ, (6) nhận-thức về thức vô biên xứ đã biến mất trong liên hệ với thức vô biên xứ, (7) nhận-thức về vô sở hữu xứ đã biến mất trong liên hệ với vô sở hữu xứ, (8) nhận-thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ đã biến mất trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ, (9) nhận-thức về thế giới này đã biến mất trong liên hệ

với thế giới này, (10) nhận-thức về thế giới khác đã biến mất trong liên hệ với thế giới khác; (11) nhận- thức đã biến mất trong liên hệ với mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm. “Này Sandha, thiền theo cách như vậy, một người thuần chủng xuất sắc không thiền (1) tùy thuộc vào (yếu tố) đất, (2) tùy thuộc vào nước, (3) tùy thuộc vào lửa, (4) tùy thuộc vào gió, (5) tùy thuộc vào không vô biên xứ, (6) tùy thuộc vào thức vô biên xứ, (7) tùy thuộc vào vô sở hữu xứ, (8) tùy thuộc vào phi tưởng phi phi tưởng xứ, (9) tùy thuộc vào thế giới này, (10) tùy thuộc vào thế giới khác, (11) tùy thuộc vào mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm, và như vậy người đó thiền trú.2212 Và người đó thiền trú theo cách như vậy, nên những thiên thần ở cùng vị trời Indra, vị trời Brahmā, và vị trời Pajāpati từ xa đã kính cẩn người thuần chủng xuất sắc đó, và họ nói: “‘Kính lễ ngài, hỡi người thuần chủng! Kính lễ ngài, hỡi người cao thượng!

Bản thân chúng tôi không hiểu được, Ngài thiền tùy thuộc vào thứ gì.’”

10 (10) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công 2213 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trong khu ở của những du sĩ, ở chỗ (được gọi là chỗ) chỗ kiếm ăn của chim công. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: (i) “Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc rốt ráo [tột cùng], đã dành được sự an-toàn rốt ráo thoát khỏi sự trói-buộc (khỏi luân hồi …), đã sống đời sống tâm linh rốt ráo, đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo. Ba đó là gì? (1) Mớ (đống, uẩn) giới-hạnh của bậc vô học nhân, (2) mớ thiền-định của bậc vô học nhân, và (3) mớ trí-tuệ của bậc vô học nhân. Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người … đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo. (ii) “Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất [khác nữa], một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc rốt ráo … đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo. Ba đó là gì? (4) Thần thông biến hóa (biến hóa thông), (5) thần thông đọc-tâm của người khác (tha tâm thông), và (6) thần thông chỉ-dạy (giáo hóa thông). Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người … đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo. (iii) “Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất [khác nữa], một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc rốt ráo … đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo. Ba đó là gì? (7) Cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (8) sự-biết đúng đắn (chánh tri), và (9) sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát). Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người … đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo.

(iv) “Này các Tỳ kheo, có hai phẩm chất, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: (10) là người đã đạt tới kết-cuộc rốt ráo … đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo. Hai đó là gì? (10) Trí-biết đích thực (minh, chân trí), và (11) đức-hạnh (hạnh

kiểm). Có được hai phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc rốt ráo, đã dành được sự an-toàn tột cùng thoát khỏi sự trói-buộc (khỏi luân hồi ...), đã sống đời sống tâm linh rốt ráo, đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo. "Vị trời Brahmā Sanaṃkumāra cũng nói lên bài thi kệ này: "'Người giai cấp chiến-sĩ là tốt nhất trong thiên hạ Vì họ có chuẩn mực là họ tộc. Nhưng người đã hoàn thiện về trí-biết đích thực và đức-hạnh Là bậc tốt nhất trong những thiên thần và loài người.' "Này các Tỳ kheo, bài kệ này đã được đọc tụng một cách hay khéo bởi vị trời Brahmā Sanaṃkumāra, không phải bị tụng một cách dở tệ; nó đã được tụng một cách hay khéo, không phải bị tụng một cách dở tệ; nó là ích lợi, không phải có hại, và ta chấp thuận nó. Ta cũng nói như vầy: "'Người giai cấp chiến-sĩ là tốt nhất trong thiên hạ Vì họ có chuẩn mực là họ tộc. Nhưng người đã hoàn thiện về trí-biết đích thực và đức-hạnh Là bậc tốt nhất trong những thiên thần và loài người.'"

NHÓM 2. SỰ TƯỞNG NIỆM

11 (1) Mahānāma (1) 2214 Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích- Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Bấy giờ, vào dịp đó một số Tỳ kheo đang may một cà sa cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong y phục, tới lúc hết kỳ ba-

tháng [ba tháng an cư mùa Mưa, kiết hạ], đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành. Ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca (Sakya) nghe được điều này đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, con nghe được: 'Một số Tỳ kheo đang may một cà sa cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong cà sa, tới lúc hết kỳ ba-tháng, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.' Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?"2215 "Tốt, tốt, này Mahānāma! Điều này phù hợp với chú là một người họ tộc đến gặp Như Lai và hỏi: 'Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?' "Này Mahānāma, (1) một người có niềm-tin (tín) sẽ thành công, không phải người không có niềm-tin. (2) Người nỗ-lực (tinh tấn) sẽ thành công, không phải người lười-biếng. (3) Người có sự chánh-niệm được thiết lập sẽ thành công, không phải người có tâm mờ-rối. (4) Người đạt- định sẽ thành công, không phải người không đạt-định. (5) Người có trí sẽ thành công, không phải người vô trí. Sau khi đã thiết lập bản thân trong năm phẩm chất này, chú nên tu tập thêm sáu điều. (6) "Ở đây, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức- hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Như Lai. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó

hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc).

• 17

Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Đức Phật. (7) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Giáo Pháp. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Giáo Pháp. (8) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Tăng Đoàn.

18 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 11

{Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Tăng Đoàn. (9) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình là không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về

giới-hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào giới-hạnh. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan- hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về giới-hạnh. (10) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về sự bố-thí của mình như vầy: ‘Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, rộng lòng hào hiệp, dang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng

• 19

niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Như Lai. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về sự bố-thí. (11) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vầy: ‘Có những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương (bốn vị vua trời lớn), những thiên thần ở cõi trời Đạo-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33), những thiên thần ở cõi trời Dạ-ma (Yāma), những thiên thần ở cõi trời Đâu-suất (Tusita), những thiên thần vui thích sáng tạo (hóa lạc thiên), những thiên thần kiểm soát những thứ được sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên), và những thiên thần cao hơn những thiên thần đó. Trong tôi cũng có loại niềm-tin mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó; trong tôi cũng có loại giới-hạnh … sự học-hiểu … sự bố-thí … trí-tuệ mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào những thiên-thần. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi

người đó hoan-hỷ, sự

sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về những thiên-thần."

12 (2) Mahānāma (2) [Mở đầu giống hệt kinh kế 11:11 kế trên, cho đến chỗ:]

"Này Mahānāma, sau khi đã thiết lập bản thân trong năm phẩm chất này, chú nên tu tập thêm sáu điều. (6) "Ở đây, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) … bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Như Lai. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt- định. Này Mahānāma, chú nên tu tập sự tưởng-niệm này về Phật khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, và đang nằm. Chú nên tu tập nó khi đang làm việc và khi đang sống ở nhà có đầy con cháu.} (7) "Lại nữa, này Mahānāma, chú nên tưởng niệm về Giáo Pháp … (8) … về Tăng Đoàn … (9) … về giới-hạnh của mình … (10) … về tâm bố- thí … (11) … về những thiên-thần như vậy. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám

muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Như Lai. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Này Mahānāma, chú nên tu tập sự tưởng-niệm này (2) về Giáo Pháp … (11) về những thiên thần khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, và đang nằm. Chú nên tu tập nó khi đang làm việc và khi đang sống ở nhà có đầy con cháu.}"

13 (3) Nandiya Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích- Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn muốn nhập kỳ an cư Mùa Mưa ở Sāvatthī (Xá- vệ). Ông Nandiya người họ Thích-ca (Sakya) đã nghe điều này, và ý này đã xảy đến với ông: "Tôi cũng sẽ nhập kỳ an cư mùa

mưa ở Sāvatthī.2216 Ở đó tôi sẽ lo mấy công việc làm ăn và thỉnh thoảng sẽ đến gặp đức Thế Tôn.” Sau đó đức Thế Tôn đã nhập kỳ an cư mùa mưa ở Sāvatthī. Ông Nandiya người họ Thích-ca cũng nhập kỳ an cư mùa mưa ở Sāvatthī, ở đó ông lo mấy công việc làm ăn và thỉnh thoảng đã đến gặp đức Thế Tôn. Bấy giờ, vào dịp đó có một số Tỳ kheo đang may một cà sa cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong y phục, tới lúc hết kỳ ba-tháng [ba tháng an cư mùa mưa], đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành. Ông Nandiya người họ Thích-ca nghe được điều này đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, con nghe được: ‘Một số Tỳ kheo đang may một cà sa cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong cà sa, tới lúc hết kỳ ba-tháng, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.’ Thưa Thế Tôn, trong những cách

khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?” “Tốt, tốt, này Nandiya! Điều này phù hợp với chú là một người họ tộc đến gặp Như Lai và hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?’ “Này Nandiya, (1) một người có niềm-tin (tín) sẽ thành công, không phải người không có niềm-tin. (2) Người đức-hạnh (có giới-hạnh) sẽ thành công, không phải người thất-đức (thiếu giới-hạnh). (3) Người nỗ-lực (tinh tấn) sẽ thành công, không phải người lười-biếng. (4) Người có sự chánh- niệm được thiết lập sẽ thành công, không phải người có tâm mờ-rối. (5) Người đạt-định sẽ thành công, không phải người không đạt-định. (6) Người có trí sẽ thành công, không phải người vô trí. Sau khi đã thiết lập bản thân trong năm điều này, chú nên thiết lập sự chánh-niệm bên trong về năm điều. (7) “Ở đây, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, dựa vào Như Lai. (8) “Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’ Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, dựa vào Giáo Pháp. (9) “Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về những bạn-tốt như vầy: ‘Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta khi ta có được những bạn-tốt, những người có lòng bi-mẫn đối với tôi, người muốn điều tốt lành cho tôi, những người khởi xướng và chỉ dạy cho tôi.’ Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, dựa vào những bạn-tốt.

(10) “Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về sự rộng lòng bố- thí của mình như vầy: ‘Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, rộng lòng hào hiệp, giang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ. Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở

bên trong như vậy, dựa vào sự rộng lòng bố-thí. (11) “Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về những thiên-thần như vầy: ‘Những thiên-thần đó đã được tái sinh trong một thân ‘bằng-tâm’ trong số những thiên thần vượt trên những thiên thần sống còn nhờ thức- ăn, họ không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm, hay [cần phải] làm thêm điều đã làm xong. Giống như một Tỳ kheo đã được giải- thoát phi thời gian (vĩnh viễn) thì không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm, hay [cần phải] làm thêm điều đã làm xong, 2217 điều này cũng tương tự với những thiên-thần đó đã được tái sinh trong một thân ‘bằng-tâm’ trong số những thiên thần vượt trên những thiên thần sống còn nhờ thức-ăn.’2218 Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, dựa vào những thiên-thần. “Này Nandiya, một đệ tử thánh thiện có được mười một phẩm chất này thì dẹp bỏ những phẩm chất xấu ác bất thiện và không chấp nhận chúng nữa. Giống như một cái chậu được lật úp lại thì không nhận lại nước đã đổ hết ra, và giống như lửa đã bùng cháy không còn chặn được2219 sẽ tiến tới đốt sạch khu rừng khô thì nó không quay trở lại để đốt những thứ đã đốt sạch. Cũng giống như vậy, một đệ tử thánh thiện có được mười một phẩm chất này thì dẹp bỏ những phẩm chất xấu ác bất thiện và không chấp nhận chúng nữa.”

14 (4) Tu-Bồ-Đề Lúc đó có Ngài Tu-bồ-đề (Subhūti) cùng với Tỳ kheo Saddha đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế

Tôn đã nói với thầy Tu-bồ-đề: “Này Tu-bồ-đề, tên Tỳ kheo này là gì?” “Thưa Thế Tôn, tên thầy ấy là Saddha. Thầy ấy là con trai của một đệ tử tại gia nam được phú cho niềm-tin,2220 và thầy ấy đã từ bỏ đời sống tại gia để xuất gia vì niềm-tin.” “Ta hy vọng con trai của một đệ tử tại gia nam được phú cho niềm- tin, Tỳ kheo Saddha, người đã từ bỏ đời sống tại gia để xuất gia vì niềm- tin, sẽ cho thấy những sự thể-hiện của niềm-tin.”2221 “Đây là lúc cho điều đó, thưa Thế Tôn! Đây là lúc cho điều đó, thưa bậc Phúc Lành! Mong Thế Tôn hãy giảng giải những sự thể-hiện của niềm-tin. Rồi con sẽ tìm hiểu được liệu Tỳ kheo này có cho thấy sự thể- hiện của niềm-tin hay không.” “Vậy thì, này Tu-bồ-đề, hãy lắng nghe và chú tâm mỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, Thế Tôn”, thầy Tu-bồ-đề đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: (1) “Ở đây, này Tu-bồ-đề, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức- hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. Đây là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những đạo hữu tốt, đồng đạo tốt, đồng môn tốt. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin. (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng trong những việc (ở chỗ tu, trong chùa, và các Tăng sự, Phật sự) cần phải làm cho những Tỳ kheo đồng đạo; người đó có được sự xét đoán giỏi về những công việc đó để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin. (6) “Lại nữa, một Tỳ kheo mến mộ Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới luật. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin. (7) “Lại nữa, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin. (8) “Lại nữa, một Tỳ kheo nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (jhāna) (chúng) tạo nên phần tâm cao hơn và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin. (9) “Lại nữa, một Tỳ kheo có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh) … [tiếp tục như kinh 6:02, đoạn (4)] … Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết của chúng như vậy. Đây

cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm- tin. (10) “Lại nữa, với (yếu tố) mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), một Tỳ kheo có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có … [tiếp tục như kinh 6:02, đoạn (5)] … và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin. (11) “Lại nữa, một Tỳ kheo, với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.” Sau khi lời này được nói ra, thầy Tu-bồ-đề đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, những sự thể-hiện của niềm-tin như vậy trong một người được phú cho niềm-tin mà đức Thế Tôn đã nói ra được thấy có trong vị Tỳ kheo này, và vị này đã thể hiện chúng. (1) “Thưa Thế Tôn, vị Tỳ kheo này là có giới-hạnh … tu tập theo những điều luật đó. (2) “Vị này đã học-hiểu nhiều … và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) “Vị này có những đạo hữu tốt, đồng đạo tốt, đồng môn tốt. (4) “Vị này là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp mình dễ tu sửa; vị này nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng. (5) Vị này là khéo giỏi và siêng năng tham gia làm những công việc này nọ … và sắp xếp mọi

thứ một cách phù hợp. (6) “Vị này mến mộ Giáo Pháp … tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới luật.

• 27

(7) “Vị này đã phát khởi sự nỗ-lực … không lơ là bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. (8) “Vị này nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định … là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (9) “Vị này có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ … với những tổng quan và chi tiết của chúng như vậy. (10) “Vị này có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … và vị này hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. (11) “Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), vị Tỳ kheo này, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị này an trú trong đó. “Thưa Thế Tôn, những sự thể-hiện của niềm-tin như vậy trong một người được phú cho niềm-tin mà đức Thế Tôn đã nói ra được thấy có trong vị Tỳ kheo này, và vị này đã thể hiện chúng.” “Tốt, tốt, này Tu-bồ-đề! Trong trường hợp đó, này Tu-bồ-đề, thầy có thể sống chung với Tỳ kheo Saddha này, và khi nào thầy muốn gặp Như Lai, thầy có thể rủ thầy ấy đi cùng.”

15 (5) Tâm Từ 2222 “Này các Tỳ kheo, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ đã được theo đuổi, được tu tập, và được tu dưỡng, được làm thành một cỗ xe (tu thừa) và căn bản, được thực hiện, được củng cố, và được đảm nhận một cách đúng đắn, thì có thể trông đợi mười một ích-lợi. Mười một đó là gì? (1) “Người tu ngủ ngon; (2) thức dậy sớm; (3) không gặp ác mộng; (4) làm vui lòng người; (5) làm vui lòng những quỷ thần; (6) được những thiên thần địa thần phù hộ; (7) không bị hại bởi hỏa hoạn, chất độc, và vũ

khí; (8) tâm đạt định nhanh chóng; (9) sắc diện tĩnh lặng; (10) chết không bị ngu-mờ (vô si); và (11) nếu không thâm nhập xa hơn nữa, người đó vẫn tiến lên cõi trời brahmā (phạm thiên giới).2223 “Này các Tỳ kheo, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ đã được theo đuổi, được tu tập, và được tu dưỡng, được làm thành một cỗ xe và căn bản, được thực hiện, được củng cố, và được đảm nhận một cách đúng đắn, thì có thể trông đợi mười một ích-lợi này.”

16 (6) Dasama 2224 Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Ngài Ānanda đang sống ở chỗ Xóm Tre (Beluvagāmaka) gần Vesālī (Tỳ-xá-li). Bấy giờ vào lúc đó có gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara (Bát thành)2225 đã đến Pāṭaliputta (thành Ba-la-lị-phất) vì công việc hay lý do khác. Sau đó ông đã đến gặp một Tỳ kheo trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Kukkuṭa, và sau khi kính lễ vị Tỳ kheo, ông ngồi xuống một bên và hỏi vị Tỳ kheo đó: “Thưa thầy, ngài Ānanda hiện sống ở đâu? Tôi muốn gặp thầy ấy.” “Này gia chủ, thầy Ānanda đang sống ở Xóm Tre gần Vesālī.” Sau khi gia chủ Dasama đã xong việc làm ăn ở Pāṭaliputta, ông đã đến chỗ thầy Ānanda ở làng Beluvagāmaka gần Vesālī. Ông kính lễ thầy Ānanda, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa thầy Ānanda, có

một điều (giáo lý, pháp tu) nào được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì cái tâm chưa được giải-thoát của người đó sẽ được giải-thoát, những ô- nhiễm (lậu hoặc) chưa được tiêu diệt sẽ được tiêu diệt, và người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó?" "Có, này gia chủ." "Cái gì là một điều đó, thưa thầy Ānanda?"

• 29

(1) "Ở đây, này gia chủ: ['Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.] Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định (jhāna) thứ nhất này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý (do tâm tư). Nhưng thứ gì có điều- kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô- nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp (pháp dục), vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp,2226 thì, với sự hoàn toàn tiêu hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa. - "Đây là một điều đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì cái tâm chưa được giải-thoát của người đó sẽ được giải-thoát, những ô-nhiễm (lậu hoặc) chưa được tiêu diệt sẽ được tiêu diệt, và người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó. (2) "Lại nữa, này gia chủ: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền)' ... (3) ... Tầng thiền định thứ ba (Tam thiền)' ... (4) ... tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).' Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định thứ tư này được tạo tác và tạo ra bởi sự cố-ý (do tâm tư). Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp (pháp dục), vì còn sự thích-thú đối với

Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa. - "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn ... trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó. (5) "Lại nữa, này gia chủ, một Tỳ kheo: 'Sống bao trùm một phương bằng một cái tâm thắm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng

giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống với một cái tâm từ-ái, rộng lớn (quảng đại), bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao rộng, cao vời], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.' Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Sự giải-thoát này của tâm là được tạo tác và tạo ra bởi sự cố-ý (do tâm tư). Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp (pháp dục), vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa. - "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn ... trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó. (6) "Lại nữa, này gia chủ, một Tỳ kheo: 'Sống bao trùm một phương bằng một cái tâm thắm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... (7) ... với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... (8) ... với một cái tâm thấm đẫm sự

• 31

buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống với một cái tâm từ- ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.' Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Sự giải-thoát này của tâm là được tạo tác và tạo ra bởi sự cố-ý (do tâm tư). Nhưng thứ gì có điều- kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô- nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp (pháp dục), vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa. - "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn ... trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó. (9) "Lại nữa, này gia chủ, một Tỳ kheo: (9) 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ (cơ sở) của không gian vô biên].' Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng chứng đắc 'không vô biên xứ' này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt

ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô- nhiễm ... chứ không còn quay lại thế gian nữa. - "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn ... trong

đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó. (10) "Lại nữa, này gia chủ, một Tỳ kheo: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', người đó chứng nhập và an trú trong trong thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên]' ... (11) ... 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'sự không-có-gì', người đó chứng nhập và an trú trong trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không]'. Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng chứng đắc 'vô sở hữu xứ' này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm ... chứ không còn quay lại thế gian nữa. - "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn ... trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó." 2227 Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara đã thưa với thầy Ānanda: "Thưa thầy Ānanda, giống như một người đang tìm cửa đi vào một kho báu được giấu kín cùng một lúc gặp được mười một cửa dẫn vào kho báu được giấu kín đó. Cũng giống như vậy, trong khi con đang tìm một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử, con đã cùng một lúc gặp được mười một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử.2228 Giống như một người có một ngôi nhà có mười một cửa và khi ngôi nhà bị hỏa hoạn người đó có thể thoát ra một cách an toàn thông qua bất kỳ cửa nào trong mười một cửa đó. Cũng giống như vậy, con có thể thoát khỏi một cách an toàn thông qua một trong mười một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử đó. Thưa thầy, những người theo giáo phái khác thậm chí còn tìm cách thu học phí cho sư thầy của họ; vậy tại sao

con không cúng dường cho thầy Ānanda (vì sự chỉ dạy này của thầy)?" Rồi gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara đã mời tựu Tăng đoàn những Tỳ kheo từ Pāṭaliputta và từ Vesālī, và đã tự tay mình phục vụ và làm vui lòng những Tỳ kheo bằng nhiều loại món ăn ngon lành. Ông đã dâng tặng mỗi Tỳ kheo hai bộ cà sa và dâng tặng thầy Ānanda ba bộ, và ông đã cho xây một tịnh-xá trị giá năm trăm2229 (cúng dường) cho thầy Ānanda.

17 (7) Người Chăn Bò 2230 (I) (A) "Này các Tỳ kheo, có mười một yếu-tố, một người chăn bò là không khả năng chăn nuôi một đàn bò. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một người chăn bò không có sự hiểu-biết về sắc-thân (thân thể); (2) người đó không giỏi khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của những con bò?); (3) người đó không trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó không băng bó vết thương; (5) người đó không xông khói chuồng trại (để đuổi côn trùng); (6) người đó không biết chỗ bãi cạn (để cho đàn

bò có thể lội qua sông); (7) người đó không biết thứ nước gì (đàn bò) đã uống; (8) người đó không biết đường (để bò đi); (9) người đó không khéo giỏi về những đồng cỏ (cho bò ăn); (10) người đó vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó không có thêm sự tôn trọng những con bò đực, là những bò cha và bò dẫn đầu của đàn. Có mười một yếu-tố này, một người chăn bò là không khả năng chăn nuôi đàn bò. (I) (B) "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có mười một phẩm- chất, một Tỳ kheo là không khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo không có sự hiểu-biết về sắc-thân (thân thể); (2) người đó không thiện khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của người tu?); (3) người đó không trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó không băng bó vết thương; (5) người đó không xông khói chuồng trại; (6) người đó không biết chỗ bãi cạn; (7) người đó không biết thứ nước gì mình đã uống; (8) người đó không biết đường đi; (9) người đó không khéo giỏi về những đồng cỏ;

(10) người đó vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó không có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha (sư phụ) và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Có mười một phẩm-chất này, một Tỳ kheo là không khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này. (1) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là không có sự hiểu-biết về sắc- thân? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được đúng như nó thực là: 'Mọi sắc-thân dù là loại nào đều là bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và sắc-thân có từ bốn yếu-tố lớn đó.' Chính theo cách này một Tỳ kheo không có sự hiểu-biết về sắc-thân. (2) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là không thiện khéo về những đặc-tính? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được đúng như nó thực là: 'Một người ngu được đặc-trưng bởi những hành-động của mình; một người trí được đặc-trưng bởi những hành-động của mình.' Chính theo cách này một Tỳ kheo là không thiện khéo về những đặc-tính. (3) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là không trừ bỏ trứng ruồi? Ở đây, một Tỳ kheo dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó không dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết thúc nó, và xóa sổ nó. Người đó dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh … một ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh … những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi chúng khởi sinh; người đó không dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không trừ bỏ trứng ruồi. (4) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là không băng bó vết thương? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của chúng. Thậm chí, khi người đó để căn-mắt không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, người đó không tu tập sự kiềm-chế đối với mắt; người đó không phòng hộ căn-mắt; người đó không đảm nhận việc kiềm-chế căn-mắt. Sau khi nghe một âm- thanh bằng tai … Sau khi ngửi một mùi-hương bằng mũi … Sau khi nếm một mùi-vị bằng lưỡi … Sau khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng

thân … Sau khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của nó. Thậm chí, khi người đó để căn-tâm không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, người đó không tu tập sự kiềm-chế đối với tâm; người đó không phòng hộ căn-tâm; người đó không đảm nhận việc kiềm-chế căn-tâm. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không băng bó vết thương. (5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không xông khói chuồng trại? Ở đây, một Tỳ kheo không chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như mình đã nghe được và học được. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không xông khói chuồng trại. (6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không biết chỗ nước cạn (để vượt qua bờ bên kia)? Ở đây, một Tỳ kheo không thỉnh thoảng đến gặp những Tỳ kheo là những bậc đã học-hiểu nhiều, là những người thừa kế của di sản (tức Phật Pháp), những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới-luật, những người thiện thạo về đại-cương (những toát yếu, matika, của Giáo Pháp), và vấn hỏi với họ: ‘Thưa thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’. Rồi (do vậy người đó không có cơ hội được) những vị thầy đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ cho người đó những điều chưa được làm rõ, và xua tan sự bối-rối của người đó về nhiều luận điểm còn làm bối rối. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không biết chỗ nước cạn. (7) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không biết thứ nước gì mình đã uống? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được chỉ dạy, một Tỳ kheo không đạt được niềm cảm-hứng về ý nghĩa, không đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, không đạt được sự vui mừng hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không biết thứ gì mình đã uống. (8) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không biết đường đi? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu biết con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo) đúng như nó thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không biết

đường đi. (9) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không khéo giỏi về những đồng cỏ? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được bốn nền tảng chánh-niệm (Tứ niệm xứ) đúng nhưng chúng thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không khéo giỏi về những đồng cỏ.2231 (10) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là vắt sữa khô kiệt? Ở đây, khi những gia chủ đầy niềm-tin (thành tín) mời một Tỳ kheo nhận lấy y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, người đó nhận lấy một cách không tiết độ (lấy nhiều, vét sạch). Chính theo cách một Tỳ kheo là vắt sữa khô kiệt. (11) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha (sư phụ) và người dẫn dắt của Tăng Đoàn? Ở đây, một Tỳ kheo không duy trì những hành-vi từ-ái bằng thân, lời-nói và tâm ở những chỗ chung và chỗ riêng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. “Có mười một phẩm-chất này, một Tỳ kheo là không khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này. (II) (A) “Này các Tỳ kheo, có được mười một yếu-tố,

một người chăn bò là có khả năng chăn nuôi một đàn bò. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một người chăn bò có sự hiểu-biết về sắc-thân; (2) người đó khéo giỏi về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của những con bò?); (3) người đó trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó biết băng bó vết thương; (5) người đó xông khói chuồng trại (để đuổi côn trùng); (6) người đó biết chỗ bãi cạn (để cho đàn bò có thể đi qua sông); (7) người đó biết thứ nước gì (đàn bò) đã uống; (8) người đó biết rành đường đi (để bò đi); (9) người đó khéo giỏi về những đồng cỏ (cho bò ăn); (10) người đó không vắt sữa khô kiệt; và

• 37

(11) người đó có thêm sự tôn trọng những con bò đực, là những bò cha và bò dẫn đầu của đàn. Có được mười một yếu-tố này, một người chăn bò là có khả năng chăn nuôi đàn bò. (II) (B) "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được mười một phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo có sự hiểu-biết về sắc-thân; (2) người đó thiện khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của người tu?); (3) người đó trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó biết băng bó vết thương; (5) người đó xông khói chuồng trại; (6) người đó biết chỗ bãi cạn (để vượt qua bờ bên kia); (7) người đó biết thứ nước gì mình đã uống; (8) người đó biết rành đường đi; (9) người đó khéo giỏi về những đồng cỏ; (10) người đó không vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Có được mười một phẩm-chất này, một Tỳ kheo là có khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này. (1) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là có sự hiểu-biết về sắc-thân? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: 'Mọi sắc-thân dù là loại nào đều là bốn yếu tố lớn (tứ đại) và sắc-thân có từ bốn yếu-tố lớn đó.' Chính theo cách này một Tỳ kheo có sự hiểu-biết về sắc-thân. (2) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là thiện khéo về những đặc-tính? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: 'Một người ngu được đặc-trưng bởi những hành-động của mình; một người trí được đặc-trưng bởi những hành-động của mình.' Chính theo cách này một Tỳ kheo là thiện khéo về những đặc-tính. (3) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là trừ bỏ trứng ruồi? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết thúc nó, và xóa sổ nó. Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh … một ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh … những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng. Chính theo

38 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 11

cách này một Tỳ kheo là trừ bỏ trứng ruồi. (4) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết băng bó vết thương? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của chúng. Bởi vì, nếu người đó để căn-mắt không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, nên người đó tu tập sự kiềm-chế đối với mắt; người đó phòng hộ căn-mắt; người đó đảm nhận việc kiềm-chế căn-mắt. Sau

khi nghe một âm-thanh bằng tai … Sau khi ngửi một mùi-hương bằng mũi … Sau khi nếm một mùi-vị bằng lưỡi … Sau khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng thân … Sau khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn-tâm không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, nên người đó tu tập sự kiềm-chế đối với tâm; người đó phòng hộ căn-tâm; người đó đảm nhận việc kiềm-chế căn-tâm. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết băng bó vết thương. (5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là xông khói chuồng trại? Ở đây, một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như mình đã nghe được và học được. Chính theo cách này một Tỳ kheo là xông khói chuồng trại. (6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết chỗ nước cạn (để vượt qua bờ bên kia)? Ở đây, một Tỳ kheo thỉnh thoảng đến gặp những Tỳ kheo là những bậc đã học hiểu nhiều, là những người thừa kế của di sản (tức Phật Pháp), những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới-luật, những người thiện thạo về đại-cương (toát yếu, matika, của Giáo Pháp), và vấn hỏi với họ: ‘Thưa thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’ Rồi những vị thầy đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ cho người đó những điều chưa được làm rõ, và xua tan sự bối-rối của người đó về nhiều luận điểm còn làm bối rối. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết chỗ nước cạn.

• 39

(7) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết thứ nước gì mình đã uống? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được chỉ dạy, một Tỳ kheo đạt được niềm cảm-hứng về ý nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được sự vui mừng hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết thứ gì mình đã uống. (8) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết rành đường đi? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu biết con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo) đúng như nó thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết rành đường đi. (9) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là giỏi khéo về những đồng cỏ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được bốn nền tảng chánh-niệm (Tứ niệm xứ) đúng nhưng chúng thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là khéo giỏi về những đồng cỏ. (10) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không vắt sữa khô kiệt? Ở đây, khi những gia chủ đầy niềm-tin (thành tín) mời một Tỳ kheo nhận lấy y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh, người đó nhận lấy một cách tiết độ (chỉ lấy vừa đủ, không vét sạch). Chính theo cách một Tỳ kheo là không vắt sữa khô kiệt. (11) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn? Ở đây, một Tỳ kheo biết duy trì những hành-vi từ-ái bằng thân, lời-nói và tâm ở những chỗ chung và chỗ riêng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Chính theo cách này một Tỳ kheo là có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. (+) “Có được mười một phẩm-chất này, một Tỳ kheo là có khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này.”

18 (8) Sự Định Tâm (1)

40 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 11

Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:2232 “Thưa Thế Tôn, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác; (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?” “Người đó có thể, này các Tỳ kheo.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?” “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là có nhận-thức (tưởng) như vầy: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng- lặn tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu-diệt dục-vọng (ái), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn.’ Này các Tỳ kheo, chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác; (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức.”

• 41

19 (9) Sự Định Tâm (2) Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”. “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất … (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ lưu nhớ trong tâm.” “Này các Tỳ kheo, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất … (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm

nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức. “Người đó có nhận thức (tưởng) như vầy: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu-diệt dục- vọng (ái), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn.’ Chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất … (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới,

được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức.”

20 (10) Sự Định Tâm (3) Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất … (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?” [Tiếp tục phần còn lại giống hệt kinh 11:18 ở trên.]

21 (11) Sự Định Tâm (4) Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất … (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?” “Này đạo hữu, chúng tôi từ xa đến đây để học ý nghĩa của điều này từ Ngài Xá-lợi-phất. Sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ thầy Xá-lợi-phất, các Tỳ kheo sẽ lưu giữ nó trong tâm.” “Này các đạo hữu, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói.” “Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói

điều này: [Tiếp tục phần còn lại giống hệt kinh 11:19 ở trên.]

NHÓM 3. TƯƠNG TỰ

22 (1) 29 (8) Quán Sát Sự Vô Thường (I) (A) “Này các Tỳ kheo, có mười một yếu-tố, một người chăn bò là không khả năng chăn nuôi một đàn bò. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một người chăn bò không có sự hiểu-biết về sắc-thân (thân thể); (2) người đó không giỏi khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của những con bò?); (3) người đó không trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó không băng bó vết thương; (5) người đó không xông khói chuồng trại (để đuổi côn trùng); (6) người đó không biết chỗ bãi cạn (để cho đàn bò có thể lội qua sông); (7) người đó không biết thứ nước gì (đàn bò) đã uống; (8) người đó không biết đường (để bò đi); (9) người đó không khéo giỏi về những đồng cỏ (cho bò ăn); (10) người đó vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó không có thêm sự tôn trọng những con bò đực, là những bò cha và bò dẫn đầu của đàn. Có mười một yếu-tố này,

một người chăn bò là không khả năng chăn nuôi đàn bò. (B) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có mười một phẩm chất này, một Tỳ kheo là (1) không khả năng sống quán sát sự vô-thường trong mắt … (2) không khả năng sống quán sát sự khổ trong mắt … (3) không khả năng sống quán sát sự vô-ngã trong mắt … (4) không khả năng sống quán sát sự hoại-diệt trong mắt … (5) không khả năng sống quán sát sự biến-mất trong mắt … (6) không khả năng sống quán sát sự chấm-dứt trong mắt … (7) không khả năng sống quán sát sự từ-bỏ trong mắt …”

30 (9) 69 (48)

44 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 11

“ … trong tai ... trong mũi … trong lưỡi … trong thân … trong tâm …”

70 (49) 117 (96) “ … trong những hình-sắc … trong những âm-thanh … trong những mùi-hương … trong những mùi-vị … trong những đối-tượng chạm xúc … trong những hiện-tượng …”

118 (97) 165 (144) “ … trong thức-mắt … trong thức-tai … trong thức-mũi … trong thức-lưỡi … trong thức-thân … trong thức-tâm …”

166 (145) 213 (192) “ … trong tiếp-xúc (bởi, với) mắt … trong tiếp-xúc tai … trong tiếpxúc mũi … trong tiếp-xúc lưỡi … trong tiếp-xúc thân … trong tiếp-xúc tâm …”

214 (193) 261 (240) “ … trong cảm-giác (thọ) được sinh ra bởi tiếp-xúc (bởi, với) mắt … trong cảm-giác được sinh ra bởi tiếp-xúc tai … trong cảm-giác được sinh ra bởi tiếp-xúc mũi … trong cảm-giác được sinh ra bởi tiếp-xúc lưỡi … trong cảm-giác được sinh ra bởi trong tiếp-xúc thân … trong cảm-giác được sinh ra bởi tiếp-xúc tâm …”

262 (241) 309 (288) “ … trong nhận-thức (tưởng) về những hình-sắc … trong nhận-thức

• 45

về những âm-thanh … trong nhận-thức về những mùi-hương … trong nhận-thức về những mùi-vị … trong nhận-thức về những đối-tượng chạm xúc … trong nhận-thức về những hiện-tượng …”

310 (289) 367 (336) “ … trong sự cố-ý (tư, ý hành) đối với những hình-sắc … trong sự cố- ý đối với những âm-thanh … trong sự cố-ý đối với những mùi-hương … trong sự cố-ý đối với những mùi-vị … trong sự cố-ý đối với những đối- tượng chạm xúc … trong sự cố-ý đối với những hiện-tượng …”

368 (337) 405 (384) “ … trong dục-vọng (ái) đối với những hình-sắc … trong dục-vọng đối với những âm-thanh … trong dục-vọng đối với những mùi-hương … trong dục-vọng đối với những mùi-vị … trong dục-vọng đối với những đối-tượng chạm xúc … trong dục-vọng đối với những hiện-tượng …”

406 (385) 453 (432) “ … trong ý-nghĩ (tầm) về những hình-sắc … trong ý-nghĩ về những âm-thanh … trong ý-nghĩ về những mùi-hương … trong ý-nghĩ về những mùi-vị

... trong ý-nghĩ về những đối-tượng chạm xúc ... trong ý-nghĩ về những hiện-tượng ..."

454 (433) 501 (480) " ... trong sự soi-xét (tứ) về những hình-sắc ... trong sự soi-xét về những âm-thanh ... trong sự soi-xét về những mùi-hương ... trong sự soi- xét về những mùi-vị ... trong sự soi-xét về những đối-tượng chạm xúc ... trong sự soi-xét về những hiện-tượng ..." (++)

46 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 11

502 (481) 981 (960) (II) (A) "Này các Tỳ kheo, có được mười một yếu tố, một người chăn bò là có khả năng chăn nuôi một đàn bò.2233 Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một người chăn bò có sự hiểu-biết về sắc-thân; (2) người đó khéo giỏi về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của những con bò?); (3) người đó trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó biết băng bó vết thương; (5) người đó xông khói chuồng trại (để đuổi côn trùng); (6) người đó biết chỗ bãi cạn (để cho đàn bò có thể đi qua sông); (7) người đó biết thứ nước gì (đàn bò) đã uống; (8) người đó biết rành đường đi (để bò đi); (9) người đó khéo giỏi về những đồng cỏ (cho bò ăn); (10) người đó không vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó có thêm sự tôn trọng những con bò đực là những bò cha và bò dẫn đầu của đàn. Có được mười một yếu tố này, một người chăn bò là có khả năng chăn nuôi đàn bò. (B) "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được mười một phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng sống quán sát sự vô-thường trong mắt ... ... [Tất cả từ trên xuống THEO CÁCH TƯƠNG TỰ như phần (I) (A), (B); (II) (A), (B) như kinh số 17 ở trên, cho tới câu cuối:] ...

(+) "Có được mười một phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng sống quán sát sự từ-bỏ trong sự soi-xét (tứ) về những hiện-tượng." (++)

NHÓM 4. NHÓM "THAM" LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 2234

982 (1) 2235 "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, mười một điều (trạng thái) cần được tu tập. Mười một đó là gì? Đó là: (1) tầng thiền định thứ nhất, (2) tầng thiền định thứ hai, (3) tầng thiền định thứ ba, (4) tầng

• 47

thiền định thứ tư; (5) sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ, (6) sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi, (7) sự giải-thoát của tâm bằng tâm-(tùy)-hỷ, (8) sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả; (9) không vô biên xứ [cảnh xứ của không gian vô biên]; (10) thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên], và (11) vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không]. Để có sự trực-tiếp biết về tham, mười một điều (trạng thái) này cần được tu tập."

983 (2) 991 (10) "Này các Tỳ kheo, để có sự hoàn-toàn hiểu về tham ... sự phá-sạch tham ... sự dẹp-bỏ tham ... sự tiêu-diệt tham ... sự biến-mất tham ... sự phai-biến tham ... sự chấm-dứt tham ... sự buông-bỏ tham ... sự từ-bỏ tham, mười một điều (trạng thái) này cần được tu tập ..."

992 (11) 1151 (170) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết ... sự hoàn-toàn hiểu ... sự phá-sạch ... sự dẹp-bỏ ... sự tiêu-diệt ... sự biến-mất ... sự phai-biến ... sự chấm-dứt ... sự

buông-bỏ ... sự từ-bỏ sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-bạo ... sự chê-bai ... sự hỗn-xược ... sự ganh-tỵ ... sự ti-tiện ... sự lừa-dối ... sự mưu-mẹo ... sự bướng-bỉnh ... sự thái-quá (quá đáng, quá lố, dữ dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo ... sự say-sưa ... sự lơ-tâm phóng dật, mười một điều (trạng thái) này cần được tu tập ...” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

HẾT QUYỂN 11

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN Aṅguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi

Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử)

Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS)

Ce: phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy)

Mp Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN

Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN

NDB = Nummerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của AN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

Lưu Ý: Khi chữ Be và Ce được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng Mp, là chúng tương ứng chỉ ấn bản Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan Simon Hewavitarne Bequest (1923–31). Nếu chỉ ghi Mp không thôi thì đó là luận giảng Mp thuộc ấn bản điển tử của Chaṭṭha Saṅgāyana.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

* AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

* DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN) It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN) * KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ) Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) * MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ) Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ

AN Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN) Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN) Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN) Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN) Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN) Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi) Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN) ∗ SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ) Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN) Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN) Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi) Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện) Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật) Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH: BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame) CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề) EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman) EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman) GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman) Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger) KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward) LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi học giả Walshe) MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli và TKBĐ)

Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto) DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera) MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn-Anh (của

Monier-William) PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids) PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali) Skt = Sanskrit: tiếng Phạn VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda

Lưu Ý: Các trích dẫn kinh gốc tiếng Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Các trích dẫn từ Udāna và Itivuttaka thì ghi số kinh theo sau là số trang của ấn bản PTS. Còn trích dẫn từ Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn trong Ppn.

CHÚ THÍCH

2199 [Đây là kinh song hành của kinh 10:01. Chỉ khác nhau một chút là tách 'sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ' (nibbidā-virāga) ra thành 02 điều (10) và (11). Coi chú thích 1964 cuối kinh đó.] (2199) 2200 [Tương tự như chú thích kế trên: đây là kinh song hành của kinh 10:02. Coi thêm chú thích 1965 và 1966 ở kinh đó).] (2200) 2201 [Tương tự, đây là kinh song hành của kinh 10:03.] (2201) 2202 [Tương tự, đây là kinh song hành của kinh 10:88.] (2202) 2203 [Chỗ này Ce và Ee ghi động từ số ít là vodāyati, khác với Be ghi động từ số nhiều là vodāyanti. Ee có ghi trong một chú thích của nó rằng tất cả những bản gốc chép tay đều ghi là vodāyanti.

- Chỗ này ở kinh 10:88 có chú thích như vầy: [Theo Ce, Be, và Mp [của Ce và Be] tôi đọc chỗ này là saddhammassa na vodāyanti. Ee ghi động từ số ít là vodāyati, nhưng những chú thích trong Ee cũng đề cập trong bản viết tay là vodāyanti. Chữ saddhammassa nên được ghi đúng lại là saddhammā assa. Mp chú giải rằng: "Những phẩm chất tốt của giáo lý, gồm có trong ba phần tu tập (giới, định, tuệ), không được làm sáng bóng vì người đó" (sik- khāttayasaṅkhātā sāsanasaddhammā assa vodānaṃ na gacchanti). (Có lẽ theo nghĩa là: nếu người tu là thiện tu và tu tiến thì những phẩm chất của giáo lý càng được làm sáng ngời; còn những người tu là tà tu và sa sút thì những phẩm chất của giáo lý sẽ bị làm lu mờ).] (2108)]. (2203) 2204 [Đây là kinh song hành của kinh 10:06 được mở rộng thêm điều (11), và được thêm phần sau trong đó thầy Ānanda đi thảo luận lại chủ-đề đó với thầy Xá-lợi-phất và cũng nhận được sự trả lời giống Phật. Lưu ý rằng: kế tiếp kinh 10:06 là kinh 10:07 trong đó thầy Xá-lợi-phất đã trả lời câu hỏi theo cách khác với Phật [nhưng cũng nói về cùng trạng thái định-tâm đó], còn trong kinh 11:07 này thì thầy Xá-lợi-phất đã trả lời giống Phật. (Mời coi lại chú thích 1968, 1969 trong kinh 10:06.)] (2204) 2205 [Phần sau từ chỗ này đến cuối: Ce và Be thì vẫn ghi như vầy, nhưng Ee

thì tách thành một kinh riêng, và đánh số là kinh số 8. Như vậy từ chỗ này trở đi cách đánh số kinh của nó là hơn Ce và Be 1 số. Câu cuối cùng, tán thán sự giống nhau về cách giảng giải của Phật và của thầy Xá-lợi-phất, cho thấy cả 02 phần đúng là nằm trong cùng một kinh 11:07 (nên cách ghi của Ce và Be là hợp lý và chính xác). Ngược

lại, trong Quyển trước, 02 kinh 10:06 và 10:07 là 02 sự đối thoại về cùng chủ-đề sự định-tâm này giữa thầy Ānanda với Phật và giữa thầy Ānanda với thầy Xá-lợi-phất nhưng không có 'cầu nối' nào để nối 02 kinh đó thành 1 kinh cho được (vì trong kinh 10:07 thầy Xá- lợi-phất đã trả lời theo cách khác với Phật).] (2205) 2206 [Mp nhận định trạng thái bậc nhất (aggapada) ở đây là niết-bàn.] (2206) 2207 [Bằng cách tính các căn cảm-nhận (giác quan) và những đối-tượng của nó, kinh này có chứa hơn 11 điều. Nhưng để giữ nó là kinh '11-điều', tôi bắt đầu đánh số từ yếu tố "đất".] (2207) 2208 [Be thì ghi tên là Saddha.] (2208) 2209 [Nguyên văn câu này: Jhāyati pajjhāyati nijjhāyati avajjhāyati. Giống như trong kinh 6:46 và MN 50, mục 13 cũng có ghi cụm chữ này, với giọng kinh theo nghĩa chế nhạo. (Coi chú thích 1344 ở đoạn (1) của kinh 6:46 đó).] (2209) 2210 [Nguyên văn 02 câu cuối: Yassa te nābhijānāma, yampi nissāya jhāyasi. Coi kinh MN 22, mục 36 có ghi: "… Khi những thiên thần (ở cõi trời) của trời Indra, của trời Brahmā và của trời Pajāpati tìm kiếm một Tỳ kheo là người đã được giải-thoát trong tâm như vậy, họ chẳng tìm thấy [bất cứ thứ gì để họ có thể nói]: 'Thức của một người đã đi như vậy là có chỗ này là chỗ- dựa'. Vì sao vậy? Bậc đã đi như vậy, ta nói, là không thể truy dấu được ngay tại đây và bây giờ (ngay cả trong kiếp này)" (evaṃ vimuttacittaṃ kho, bhik- khave, bhikkhuṃ sa-indā devā sabrahmakā sapajāpatikā anvesaṃ nādhigac- chanti 'idaṃ nissitaṃ tathāgatassa viññāṇan' ti. Taṃ kissa hetu? Diṭṭh'evāhaṃ, bhikkhave, dhamme tathāgataṃ ananuvijjo ti vadāmi).] (2210) 2211 [Paṭhaviyaṃ paṭhavisaññā vibhūtā hoti. Mp giải nghĩa chữ vibhūta ở đây là = pākaṭa (rõ ràng, rành rành, hiển nhiên), và giải thích: "Những nhận-thức của 04 [hoặc 05] tầng thiền định sắc giới (jhāna) đã khởi sinh với đất … nước … là đối-tượng là rõ ràng … bởi vì chúng đã được nhìn thấy bằng sự minh- sát là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'." Mp đã cố bào chữa cho sự diễn dịch của nó bằng một trích dẫn mà nó nói là từ một bài kinh (nào đó), như vầy: vibhūtā,

bhante, rūpasaññā avibhūtā aṭṭhikasaññā. Tuy nhiên chúng tôi đã dùng kỹ thuật 4.0 để dò tìm hết Kinh Tạng nhưng không thấy có bài kinh nào có ghi câu chữ như vậy. Theo chỗ tôi biết, trong các bộ kinh Nikāya thì chữ vibhūta luôn luôn có nghĩa là "đã biến mất, đã biến đi". Coi thêm những lời diễn đạt như vibhūtasaññī trong kinh Sn 874 và vibhūtarūpasaññissa trong kinh Sn 1113, trong cả 02 trường này chữ vibhūta chỉ có thể có nghĩa là "đã biến mất". Có lẽ không có lý do gì đi gán một nghĩa khác vào chỗ lời kinh đang chú giải này. Bản tương đương trong Hán tạng, SĀ 926 [chỗ T II 235c26–236b11], cũng ủng hộ kết luận này. Ví dụ chỗ yếu tố đất [như chỗ II 236a27], nó ghi là: "Một Tỳ kheo là có khả năng khống chế nhận-thức về đất trong liên hệ tới nhận-thức về đất" (). Có thể nào chữ nằm giữa ở đây lại là vô cớ vô lý để chúng ta phải đọc thành ?] (2211) 2212 [Mp giải thích chỗ này là: "Người đó thiền trú bằng sự chứng đắc thánh quả có được nhờ đã vượt qua theo cách này thông qua chuỗi sự minh-sát" (evaṃ vipassanāpaṭipāṭiyā āgantvā uppāditāya phalasamāpattiyā jhāyanto).] (2212) 2213 [Kinh này là kết hợp 03 kinh 3:143, 3:144, 3:145 thành một (tương ứng các đoạn (i), (ii), (iii) người dịch đã đánh số, và (iv) thêm 02 điều nữa để thành kinh '11-điều'. Như vậy nó là một dạng kinh '11-điều kết hợp'.

- Công thức về A-la-hán cũng được nói trong kinh 7:61. Mp giải thích "kết- cuộc rốt ráo" (accantaniṭṭho) như vầy: "Kết-cuộc của người đó là Niết-bàn bất khả hủy; đây được gọi là 'rốt ráo' hay 'tột cùng' (accanta) bởi vì nó vượt trên sự kết-thúc (antaṃ atītattā)."] (2213) 2214 [Kinh này có một phần song hành với kinh 6:10: các đoạn (1)-(6) ở đó là giống (6)-(11) trong kinh này. Mời coi lại các chú thích từ 1256-1260 trong kinh 6:10).] (2214)

- (Nhân tiện ở bên dưới: Những đoạn lời mẫu người dịch Việt đánh dấu trong ngoặc {...} là giống nhau; kinh gốc ghi đầy đủ trong các đoạn (6)-(11) như vậy chứ không ghi tóm lược từ sau đoạn dẫn đầu ... như thường thấy trong các kinh khác; (trong kinh song hành 6:10 cũng ghi đầy đủ như vậy). Người dịch nghĩ đó là dụng ý của những thánh tăng kết tập, vì sự tưởng-niệm nào cũng quan trọng và để khi có ai muốn giảng giải về một sự tưởng-niệm nào thì ở đó có sẵn nguyên văn đầy đủ để giảng giải.

- Nhưng trong kinh 11:12 kế tiếp thì các đoạn từ (7)-(10) chỉ ghi giản lược bằng tên của các chủ-đề tưởng niệm, do từ đầu nó cũng đã ghi giản lược từ kinh đầy đủ trước nó).

2215 [Người dịch giữ cách dịch sát từ ngữ kinh gốc như vầy. Câu này Tỳ kheo

Bồ-Đề đã dịch thoáng là: "Với tất cả mọi sự dính líu, chúng con nên an trú theo cách nào?", và thầy đã chú thích như vầy: [Tôi dịch chỗ này hơi tự do để cho phù hợp với ngôn ngữ dịch (tiếng Anh). Nếu dịch sát từ ngữ thì có thể đọc là: "Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau mà chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?"] (2215)

2216 [Nhà sư Brahmāli đã viết: "Điều này đáng để lưu ý, rằng một đệ tử tại gia

cũng nói về sự "an cư mùa Mưa" (03 tháng kiết hạ). Có lẽ đây là những hiện tượng hay phong tục phổ biến ở vùng bắc Ấn Độ, chứ không riêng những sa- môn (samaṇa). Có lẽ là do mùa mưa thì quá khó khăn để đi lại."] (2216)

2217 [Mp nhận định chữ 'người được giải-thoát phi thời gian (vĩnh viễn)' (asamaya-vimutto) là A-la-hán. Liên quan với cách diễn tả ở kinh 6:55, đoạn (1), câu "không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm hay [cần phải] làm thêm những gì đã làm xong" (karaṇīyaṃ attano na samanupassati katassa vā paticayaṃ), Mp đã giải nghĩa chữ paṭicayaṃ là "sự tiến-thêm bằng cách làm thêm (điều đã làm xong) (punappunaṃ karaṇena vaḍḍhiṃ). (Coi lại chú thích chú thích này ở kinh 6:55, đoạn (1).] (2217) 2218 [Cả 02 phiên bản Ce và Be đều không dùng chữ ti để đánh đấu đến chỗ này là hết phần trích dẫn trực tiếp, và do vậy theo cách ghi của chúng thì khó nhìn thấy đoạn nội dung của chủ-đề thiền (tưởng niệm) này kết thúc chính xác ngay chỗ nào. Ee thì có đưa vào chữ ti chỗ này, để đánh dấu phần nội dung tưởng-niệm kết thúc ngay đây, bao gồm cả câu ví dụ và câu lặp lại.

- Những thiên thần sống còn nhờ thức-ăn là thuộc về cõi dục-giới. Những thiên thần đã được tái sinh trong một thân làm-bằng-tâm thì thuộc về cõi sắc-giới. Không rõ tại sao lời kinh lại nói: "(những thiên thần đó) không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì

cần phải làm hay [cần phải] làm thêm những gì đã làm xong" (tā karaṇīyaṃ attano na samanupassanti katassa vā paticayaṃ). Vì đặc ngữ này thường chỉ dành để mô tả bậc A-la-hán. Tôi chỉ có thể đoán rằng lời kinh đang hàm chỉ đó là những thiên thần đã chứng thành A-la-hán.] (2218)

Chú Thích • 57

2219 [Tôi đọc chỗ này theo Be và Ee là aggi mutto, khác với Ce ghi là ag- gimukko.] (2219) 2220 [Câu này là: Saddhassa upāsakassa putto. Câu này cũng có thể được dịch là "con trai của người đệ tử tại gia nam (tên là) Saddha", với chữ Saddha là danh từ riêng. Nhưng nếu là như vậy tôi sẽ trông đợi phải có ghi luôn chữ nāma (tên là). Be thì ghi là: sudattassa upāsakassa putto (con trai của đệ tử tại gia nam tên Sudatta". Nhưng Sudatta chính là tên riêng của ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika), mà con cái của ông Cấp Cô Độc thì Phật đã biết rõ, cho nên sẽ rất lạ nếu Phật còn hỏi thầy Tu-bồ-đề như vậy; do vậy đây không phải là con ông Cấp Cô Độc. Hơn nữa, các kinh trong các bộ kinh Nikāya cũng không gọi ông Cấp Cô Độc bằng tên riêng của ông, chỉ trừ trong một vài hoàn cảnh rất hiếm khi.] (2220) 2221 [Nguyên văn cụm chữ cuối này: saddhāpadānesu. Mp giải thích nghĩa là: "sự thể-hiện, những tính cách, của những người được phú cho niềm-tin" (saddhānaṃ puggalānaṃ apadānesu lakkhaṇesu).] (2221) 2222 [Đây là kinh song hành của kinh 8:01. Kinh 11:15 này thường được tụng đọc như một "kinh phòng-hộ".] (2222) 2223 [11 ích-lợi này được giảng giải chi tiết trong Thanh Tịnh Đạo, Vism 311–14, Ppn 9.59–76.] (2223)

[Kinh này giống hệt kinh MN 52. (Người dịch ghi hệt theo bản dịch kinh 2224

MN 52 cho đồng nhất nhau).] (2224) 2225 [Gia chủ này được mô tả là gahapati Aṭṭhakanāgara, trong đó đuôi chữ – nāgara có nghĩa là "một công dân của thành phố [nào đó]". Bản thân chữ nagara có nghĩa là thành phố. Điều này giống hệt cách người ta gọi người từ thành phố Sài Gòn là 'người Sài Gòn', hay người ở thành phố Paris là 'người Paris' vậy.] (2225) 2226 [Nguyên văn câu này: Ten'eva dhammarāgena dhammanandiyā. Câu này cũng có trong kinh 9:36, đoạn (1), (iii) và có chú thích ngay chỗ đó. (Mời coi lại chỗ đó và chú thích đó). Còn trong kinh này Mp có giải thích như vầy: "Chỗ này muốn chỉ 02 sự tham-muốn và tham-dục đối với sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ), (tức thiền định và thiền quán). Vì, nếu người tu có khả năng quét sạch mọi tham-muốn và tham-dục đối với thiền định và

58 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 11

thiền tuệ, thì người đó trở thành A-la-hán. Nếu người đó không thể làm được vậy, người đó trở thành bậc Bất-lai. Bởi vì người tu chưa dẹp sạch thammuốn và tham-dục đối với thiền định và thiền tuệ, thì thông qua sự cố-ý (hành, ý hành?) của tầng thiền định thứ tư người đó được tái sinh trong những cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên). Đây là sự giảng giải tổng quát của những vị thầy."] (2226) 2227 [Lưu ý: Phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức] đã không được nói đến ở đây bởi vì nó được cho là quá vi-tế, bởi vì những yếu-tố cấu thành của nó nên được dùng làm những đối-tượng để thiền quán (minh sát).] (2227)

2228 [Như trong bài kinh: mười một cửa vào dẫn tới sự bất-tử chính là 04 tầng thiền định sắc-giới, 04 trạng thái tâm vô-lượng, và 03 tầng chứng đắc vô-sắc giới. Chúng là những cơ-sở để tu tập minh-sát và chứng ngộ thánh quả A-lahán.] (2228) 2229 [Đây được cho là 500 đồng tiền kahāpaṇa vào thời Đức Phật.] (2229) 2230 [Kinh này giống hệt kinh MN 33 (ở đó người dịch ghi hệt theo bản dịch kinh AN 10:17 này cho đồng nhất nhau).] (2230) 2231 [Trong kinh SN 47:06 (Quyển 5), bốn nền tảng chánh-niệm (bốn sự thiết lập chánh-niệm, tứ niệm xứ) đã được mô tả ví như một đồng cỏ (gocara) của một Tỳ kheo, đó là lĩnh-vực (xứ, lãnh địa, trú xứ) phù hợp đúng đắn để người tu chú-tâm (chánh niệm).] (2231) 2232 [Trừ câu mở đầu với 'một số Tỳ kheo' này, phần đối thoại còn lại giống hệt như kinh 11:07 được vấn đáp bởi thầy Ananda và Phật; (trong kinh đó cũng có 02 chú thích).] (2232) 2233 [Phiên bản Be không gồm có dãy kinh từ 502 881 này, có lẽ nó đã được hàm ý và ngầm hiểu từ phần kế trên. Ee thì có ghi dãy kinh này đơn giản như 03 phần ngắn nằm trong bài kinh lớn hơn (ở trên) về ví dụ người chăn bò.] (2233) 2234 [Ee không đánh số NHÓM này. Cả Ce và Be đều đánh số là NHÓM 4.] (2334) 2235 [Ce đánh số những kinh trong NHÓM này bắt đầu từ 1 cho tới 170; Be

thì tiếp tục đánh số nó theo sự liên tục từ đầu đến cuối QUYỂN. Do Be không có ghi phần "tích cực" của ví dụ về người chăn bò (tức phần (II) theo sự đánh dấu của người dịch) nên nó đánh số từ 502 cho tới 671. Tôi dùng cả 02 cách ghi và đánh số đó, nhưng nhất định bắt đầu từ số 982, (tức là vừa tính số theo sự liên tục từ phần trước và cũng vừa dựa trên sự không có ghi phần "tích cực" của ví dụ người chăn bò).] (2335)

++++

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.